

Số: 109/QĐ- THTH

Kiến An, ngày 16 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số**  
**Năm học 2022-2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC THỰC HÀNH**

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Thông báo số 389/TB-SGDĐT ngày 22/9/2023 của Sở GDĐT Hải Phòng về Kết luận của Giám đốc Sở GDĐT tại Hội nghị Tập huấn đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT và Quản trị CSDL ngành;

Công văn số 96/PGDĐT ngày 17/3/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch số 98/KH-THTT ngày 26/9/2023 về triển khai tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023;

Căn cứ vào Biên bản Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường lập vào hồi 18h00 phút ngày 13/10/2023;

Xét đề nghị của Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023 theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (Biểu đính kèm).

**Điều 2.** Hiệu trưởng có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023;
- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023 đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường, năm học 2022-2023 là căn cứ để cơ quan quản lý kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- HĐSP nhà trường;
- Lưu: VT.



**ĐÁNH GIÁ THEO CHỈ SỐ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC  
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC THỰC HÀNH**

**Năm học 2022-2023**

*(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-THTH ngày 16/10/2023 của trường Tiểu học Thực Hành)*

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
<b>1.</b>	<b>Chuyển đổi số trong dạy học</b>	<b>100</b>						
1.1	Có kế hoạch dạy học trực tuyến (kết hợp dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong xây dựng kế hoạch hằng năm)							Điều kiện bắt buộc
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến							Điều kiện bắt buộc
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (ghi tên)	30	6	6	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: Từ 10-20 điểm Mức độ 3: Trên 20 điểm	Mức độ 2	đường link	Zoom Cloud Meeting; Trans; Microsoft Teams
	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin; Tên giải pháp, tự xây dựng/ thuê/ mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:							<a href="https://azota.vn/">https://azota.vn/</a>



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	(1) Giáo viên giao bài tập cho HS tự học;		6	5				<a href="https://azota.vn/">https://azota.vn/</a>
	(2) GV trả lời (giải đáp) các câu hỏi của HS;		6	3				
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;		6	0				
	(4) PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của HS		6	2				
1.4	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu CSGD phê duyệt)	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	6	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Mức độ 2	<a href="https://ththuchanh.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu/c/323">https://ththuchanh.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu/c/323</a>	Có thể bổ sung thêm
1.5	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: Có phần mềm, máy tính kết nối mạng Lan (cung cấp thông tin và giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	0	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 1		Có thể bổ sung được nhưng cần hỗ trợ của bên Trung tâm Tin học
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	0				

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số; -Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 3		
	-Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 7 điểm	7				
	- Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%, tối đa 2 điểm 30% - 60%, tối đa 4 điểm >60%, tối đa 6 điểm	6				
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy học: - Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%, tối đa 2 điểm 20% - 60%, tối đa 5 điểm >60%, tối đa 8 điểm	8	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8-14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Mức độ 2		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy học môn Tin học		Mức độ 1: tối đa 2 điểm Mức độ 2: tối đa 5 điểm Mức độ 3: tối đa 7 điểm	5				
	- Có phòng Studio (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa: 5 điểm	0				
	<b>Tổng điểm (Chuyển đổi số trong dạy học)</b>	<b>100</b>		<b>55</b>		<b>Mức độ 2 - Mức đáp ứng cơ bản</b>		
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</b>	<b>100</b>						
2.1	Trường thành lập Ban chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin, Họ và tên, chức vụ, email, điện thoại)			x				Điều kiện bắt buộc
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số			x				Điều kiện bắt buộc
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin; tên giải pháp, tự xây dựng/ mua/ thuê); - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	6	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm	Mức độ 3	<a href="http://CsdInghanh.haiphong.edu.vn">CsdInghanh.haiphong.edu.vn</a>	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm	6	Mức độ 3: trên 50 điểm			
	- Có triển khai sổ điểm điện tử và học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng số: Tối đa 10 điểm	3				
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm	6				
	- Có triển khai phân hệ quản lý CSVC		Tối đa 10 điểm	8				
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin sức khỏe HS		Tối đa 10 điểm	6				
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm	6				
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ với CSDL ngành (do BGD quản lý)		Tối đa 6 điểm	6				
2.4	- Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến - Có triển khai dịch ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường (thông tin; qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng Web).	30	Tối đa 8 điểm	6	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Mức độ 3	Đường link/ quy chế/ Văn bản	

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm Tự đánh giá	Mức độ	Mức độ tự đánh giá	Minh chứng	Ghi chú
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm	12				
	- Có triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm	0				
	<b>Tổng điểm (Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục)</b>	<b>100</b>		<b>65</b>		<b>Mức đáp ứng cơ bản (Vì &lt;75 đ)</b>		